



**Phụ lục số 15: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix 15: Report on change of Net Asset Value**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ  
hoán đổi danh mục)

(Issued in association with Circular 229/2012/TT-BTC on 27 December 2012 guiding establishment and management of the Exchange  
Traded Fund)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE**

Tuần Từ ngày 13/03/2020 đến ngày 19/03/2020 / From date 13/03/2020 to date 19/03/2020

1	<b>Công ty quản lý quỹ:</b> Fund Management Company:	<b>Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b> SSI Asset Management Company Limited
2	<b>Ngân hàng giám sát:</b> Supervising bank:	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b> JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM
3	<b>Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD</b> ETF SSIAM VNFIN LEAD
4	<b>Mã chứng khoán:</b> Code:	<b>FUESSVFL</b> FUESSVFL
5	<b>Ngày lập báo cáo:</b> Reporting Date:	<b>20/03/2020</b> 20 Mar 2020

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	MÃ SỐ Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 19/03/2020	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 12/03/2020
A	<b>Giá trị tài sản ròng/ Net asset value</b>	<b>2100</b>		
A.1	<b>Giá trị đầu kỳ/ Opening balance</b>	<b>2101</b>		
	Của quỹ/of fund	2102	225.028.365.880	272.218.990.343
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2102.1	858.886.892	1.039.003.779
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2103	8.588,86	10.390,03
A.2	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance</b>	<b>2104</b>		
	Của quỹ/of fund	2105	211.240.150.597	225.028.365.880
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2105.1	806.260.116	858.886.892
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2106	8.062,60	8.588,86
A.3	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó</b> <b>Change of net asset value per certificate during the period, in which</b>	<b>2107</b>		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities	2108	(526,26)	(1.801,16)
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value related to Investors during the period	2109		
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of Net Asset Value due to profit distribution to investors during the period	2109.1		
	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	2109.2		
A.4	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <b>Highest/ lowest Net asset value for 52 weeks</b>	<b>2110</b>		
	Giá trị cao nhất/highest value (VND)*	2111	273.612.072.083	273.612.072.083
	Giá trị thấp nhất/lowest value (VND)*	2112	211.240.150.597	225.028.365.880



STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	MÃ SỐ Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 19/03/2020	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 12/03/2020
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2114		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2115		
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2116	10.600,00	
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price from this period to last period	2117	10.600,00	
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between Market price and Net asset value of one Fund Certificate	2118		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)*	2119	2.537,40	
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))* Relative variance (discount (-)/surplus (+))*	2120	31,47%	
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks	2121		
	Giá trị cao nhất (VND)* Highest value	2122	10.600,00	
	Giá trị thấp nhất (VND)* Lowest value	2123	9.990,00	

(\* Ghi chú: Từ ngày Quỹ được cấp phép thành lập cho đến trước ngày Chứng chỉ quỹ được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, toàn bộ dữ liệu phần B sẽ được bỏ trống.

(\* Note: Data in part B remains blank until Fund Certificate will be listed in HoChiMinh Stock Exchange.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát

Authorised Representative of Supervisory Bank



TRƯỞNG TRUNG TÂM

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company



Trần Thùy Linh  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC